TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HS-ST
Ngày 30-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lương Văn Kiên
Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại Nghệ An. Nơi ĐKHKTT: Khu phố 3, thị trấn K, huyện I, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khị bị bắt: Thuê trọ tại hẻm 90 đường Trường Chinh, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1960 và bà Phan Thị M2, sinh năm 1964; có chồng Lê Đình P, sinh năm 1984, hiện đã ly hôn và 02 người con, sinh năm 2011 và 2015;

Tiền án 01 lần: Tại Bản án số 107/HS-ST ngày 09-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, xử phạt 12 tháng tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";* chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, đến ngày 03-5-2018 chấp hành xong hình phạt tù;

Tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25-02-2019 đến ngày 05-3-2019, bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- *Bị hại:* Chị Lê Thị P1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 112/4/18 đường Phan Đình Phùng, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trương Hoài P2, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 02/12/1 đường Trường Chinh, tổ 05, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt;*

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 302 đường Hùng Vương, tổ 01, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

3. Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 03, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về Hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 09 giờ ngày 20-02-2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 81P7-2097 đi dạo ở khu vực đường Phan Đình Phùng, phường T, thành phố P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà bà Lê Thị P1, trú tại 112/4/18 đường Phan Đình Phùng, T phát hiện cổng nhà mở cửa, không có người trông coi, T đi vào trong nhà quan sát, thì thấy trên bàn trong phòng khách có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám, ốp lưng bằng nhựa cứng màu hồng, nên đã trộm cắp chiếc điện thoại này rồi tẩu thoát.

Sau khi trộm cắp được, T mang điện thoại đến bán cho ông Nguyễn Văn Q là chủ cửa hàng điện thoại Hoàn Thiện, tại 302 đường Hùng Vương, phường H, thành phố P được 1.300.000 đồng; ốp lưng điện thoại ông Q không mua nên T giữ lại. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cho cá nhân.

Đến ngày 25-02-2019, biết hành vi trộm cắp của mình đã bị camera trong nhà bà P1 ghi lại, nên T đã đến Công an phường Phù Đổng, thành phố Pleiku đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp điện thoại và giao nộp 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa cứng màu hồng. Cùng ngày, anh Trương Hoài P2 đến Công an phường Phù Đổng giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu đỏ, biển số 81P7-2097 là phương tiện T đã sử dụng khi đi trộm cắp điện thoại của bà P1. Công an phường Phù Đổng đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 27-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Pleiku, xác định: 01 (Một)

chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám, kèm ốp lưng nhựa cứng, màu hồng, không rõ hiệu; tài sản mua vào tháng 10/2018 sử dụng đến ngày 20-02-2019 bị chiếm đoạt, hiện không thu hồi được; có trị giá còn lại theo giá thị trường là: 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, bà P1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku 01 (một) đĩa VCD ghi lại hình ảnh T đang trộm cắp điện thoại di động của bà vào ngày 20-02-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku lưu vào hồ sơ vụ án. Đối với chiếc điện thoại di động mà T trộm cắp của bà P1 đem đến bán, ông Q đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 81P7-2097, là phương tiện Nguyễn Thị T sử dụng đi trộm cắp điện thoại di động của bà Lê Thị P1, qua điều tra xác định là do T mượn của anh Trương Hoài P2; việc T mượn xe để sử dụng nhưng sau đó làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, thì anh P2 không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại xe mô tô trên cho anh P2.

Về dân sự: Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại ốp lưng điện thoại cho bà P1. Bà P1 không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số 38/KL-HĐĐG ngày 27-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Pleiku; không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 13-5-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyên mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Qua điều tra, xác định bị cáo Nguyễn Thị T không có tài sản riêng, không có thu nhập, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến kiến tranh luận đối với luận tội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong điều tra, các lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 20-02-2019, tại số nhà 112/4/18 đường Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của bà Lê Thị P1 khi mở cửa nhà không có người trông coi, nên đã lén lút chiếm đoạt của bà P1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6S màu xám, có gắn ốp lưng màu hồng, trị giá 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bằng hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của người có tài sản để chiếm đoạt là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có sử dụng ma túy chỉ vì thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo không có tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 09-8-2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, tuyên phạt 12 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 03-5-2018, đến ngày 20-02-2019 bị cáo thực hiện hành

vi phạm tội mới do cố ý là chưa đủ 02 năm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó bị cáo chưa được đương nhiên xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn một cách tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự đối với chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 81P7-2097, Nguyễn Thị T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp điện thoại di động của bà Lê Thị P1, qua điều tra xác định do T mượn của anh Trương Hoài P2; việc T mượn xe để sử dụng nhưng sau đó làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, thì anh P2 không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại xe mô tô trên cho anh P2. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyên **01 (Một) năm** tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 25 tháng 02 năm 2019).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Công Tồn